

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Len;

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Đặng Thị G** sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 24, phường T1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ liên hệ: số 58/4/13 đường N, phường 12, thành phố V, tỉnh B.

Bị đơn: anh **Nguyễn Viết T** sinh năm 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 24, phường T1, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Hàn Quốc.

(Chị G, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đặng Thị G trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Nguyễn Viết T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q1, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/6/2001. Vợ chồng chung sống được 10 năm; năm 2011, anh T đi lao động tại Hàn Quốc. Năm 2017, giữa chị và anh T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung, anh T có biểu hiện ngoại tình. Đến năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chị và anh T đã cắt liên lạc với nhau cho đến bây giờ. Anh T chỉ liên lạc với anh trai của mình là anh Nguyễn Viết T3 sinh năm 1964, nơi cư trú: số nhà 732A, đường L, tổ 20,

phường K, thành phố T2, tỉnh Thái Bình. Hiện giờ chị G cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T, không biết anh T làm công việc gì. Đến nay chị xác định vợ chồng đã không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Viết T4 sinh ngày 05/01/2004 và Nguyễn Đăng Huyền T5 sinh ngày 15/01/2009; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Viết T không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị G.

- Cháu Nguyễn Viết T4 và cháu Nguyễn Đăng Huyền T5 là con chung của chị G và anh T trình bày: cháu T4 và cháu T5 ở với mẹ và được mẹ chăm sóc từ nhỏ tới giờ, bố cháu đi nước ngoài 13 năm chưa về; cả hai cháu đều có nguyện vọng: nếu bố mẹ ly hôn, hai cháu muốn ở cùng với mẹ.

- Ông Nguyễn Viết T3 sinh năm 1964, nơi cư trú: số nhà 732A, đường L, tổ 20, phường K, thành phố T2, tỉnh Thái Bình trình bày: anh T là em trai ruột của ông, còn chị G là em họ của vợ ông. Chị G và anh T kết hôn với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2010, anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, tết Nguyên đán năm 2015, anh T có nghỉ phép, về nhà ăn tết khoảng 1 tháng rồi trở lại Hàn Quốc lao động cho đến nay vẫn chưa về. Còn chị G, kể từ trước khi kết hôn cho đến nay vẫn phụ giúp bán hàng ăn cho vợ chồng ông; từ khi anh T đi Hàn Quốc thì cả chị G cùng 2 cháu T4 và T5 sinh sống luôn cùng vợ chồng ông. Ông thấy, từ nhiều năm qua, tình cảm vợ chồng anh T, chị G ngày càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không quan tâm đến nhau nữa; chính vì vậy, chị G đã làm đơn xin ly hôn anh T.

Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình và đã thông báo qua điện thoại cho anh T biết. Ông cũng động viên cả hai vợ chồng chị G, anh T cùng cố gắng kìm chế lại để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh T xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh T nhất trí ly hôn. Anh T và chị G có 02 con chung là cháu T4 và cháu T5. Cả hai cháu đều ngoan và học giỏi; cháu T4 đã thi đỗ đại học, hiện nay cháu T4 đang ở với vợ chồng ông. Ý kiến của anh T là khi hai vợ chồng ly hôn, anh T sẽ nuôi cháu T4 và chị G sẽ nuôi cháu T5. Trong thời gian anh T ở nước ngoài, anh T nhờ ông trực tiếp trông nom, dạy bảo con T4, anh T sẽ có trách nhiệm gửi tiền về cho ông T3 nuôi dưỡng cháu T4 ăn học đầy đủ. Về tài sản chung vợ chồng, anh T không có ý kiến gì vì chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T ủy quyền cho ông nhận các tài liệu, giấy tờ, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn, ông đồng ý và cam kết là sẽ thông báo ngay lại cho anh T biết. Ý kiến của ông Thìn: vì anh T và chị G không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị G được ly hôn theo nguyện vọng của anh T và chị G.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Viết T.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đặng Huyền T5 sinh ngày 15/01/2009 cho chị Đặng Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đặng Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Viết T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Đặng Thị G và anh Nguyễn Viết T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Đặng Thị G và anh Nguyễn Viết T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/06/2000, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Lời khai của chị G và lời khai của ông T3 là anh trai của anh T đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T đã kéo dài từ nhiều năm nay do vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau. Mặc dù, anh T biết rõ việc chị G xin ly hôn nhưng anh không tìm cách hàn gắn mà còn thông qua ông T3 để bày tỏ ý kiến đồng ý ly hôn chị G. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn của anh T và chị G đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị G và anh T ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị G và anh T có 02 con chung là Nguyễn Viết T4 sinh ngày 05/01/2004 và Nguyễn Đặng Huyền T5 sinh ngày 15/01/2009. Cháu T4 hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, tự lập trong cuộc sống, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không cần phải xem xét đến quyền và nghĩa vụ của cha

mẹ với cháu T4 khi cha mẹ cháu ly hôn. Còn cháu T5 hiện do chị G trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ. Để ổn định đời sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu T5, cần giao cháu T5 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị G không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Chị G phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử cho chị Đặng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Viết T.

[2] Giao con Nguyễn Đăng Huyền T5 sinh ngày 15/01/2009 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị G; không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con T5. Chị G, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Chị Đặng Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005381 ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Q, huyện Q1, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh